

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỂU CẦN
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Bản án số: 11/2024/DS-ST

Ngày: 06-02-2024

“Về tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Ân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trang Thị Cẩm Nhuận.

Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Thị Nhi là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Danh, Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 293/2022/TLST-DS, ngày 29 tháng 11 năm 2022, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2023/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 12 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 18 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Lê Văn C**, sinh năm 1974 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: Anh **Trương Văn T**, sinh năm 1985 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp Ô, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị **Thạch Thị T1**, sinh năm 1976 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- *Người phiên dịch tiếng Khmer: Ông **Thạch Thia R** – Giáo viên hưu trí.*

Địa chỉ: Ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/9/2022 và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn trình bày có nội dung: Ngày 02/5/2020 âm lịch vợ chồng ông có cho anh Trương Văn T vay số tiền là 30.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 07%/tháng, 02 tháng trả lãi 01 lần, không thỏa thuận thời hạn trả, khi vay anh T có viết biên nhận cho vợ chồng ông giữ, khi nào vợ chồng ông cần tiền thì thông báo anh T trước vài ngày anh T sẽ trả tiền vốn, anh T trả lãi đến khoảng tháng 01/2022 thì ngưng trả lãi cho đến nay.

Ngày 03/3/2021 âm lịch vợ chồng ông có cho anh Trương Văn T vay số tiền là 40.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 07%/tháng, 02 tháng trả lãi 01 lần, không thỏa thuận thời hạn trả, khi vay anh T có viết biên nhận cho vợ chồng ông giữ, khi nào vợ chồng ông cần tiền thì thông báo anh T trước vài ngày anh T sẽ trả tiền vốn, anh T trả lãi đến khoảng tháng 01/2022 thì ngưng trả lãi cho đến nay.

Vào tháng 03 năm 2021 (vợ chồng ông không nhớ ngày cụ thể) vợ chồng ông có cho anh Trương Văn T vay số tiền là 10.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 07%/tháng, 02 tháng trả lãi 01 lần, không thỏa thuận thời hạn trả, không có viết biên nhận, khi nào vợ chồng ông cần tiền thì thông báo anh T trước vài ngày anh T sẽ trả tiền vốn, khoản tiền này anh T không có trả lãi.

Số tiền lãi anh T đã trả lãi vợ chồng ông không nhớ chính xác bao nhiêu, có khi trả đủ có khi không đủ, vợ chồng ông nhận được khoảng 30.000.000 đồng tiền lãi.

Nay ông yêu cầu anh T trả số tiền vay vốn gốc còn nợ là 70.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi. Đối với số tiền 10.000.000 đồng cho anh T vay nhưng không có biên nhận ông xin rút lại để gặp anh T thỏa thuận sau.

- *Bị đơn anh Trương Văn T vắng mặt không có lời trình bày.*

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thạch Thị T1 trình bày:* Bà thống nhất theo lời trình bày của ông C là bà đồng ý giao cho ông C toàn quyền quyết định, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh T trả cho cá nhân ông C, bà không có yêu cầu gì, mặc dù tiền vay là của chung vợ chồng.

Đối với bị đơn anh T đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án; triệu tập hợp lệ nhưng anh T không tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; không tham dự phiên tòa xét xử, nên Tòa án không lấy lời khai của bị đơn được và bị đơn cũng không nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ gì để phản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Vì vậy Tòa án không kết luận được những vấn đề mà các đương sự đã thống nhất và không thống nhất.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, riêng bị đơn chưa chấp đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự vắng mặt trong quá trình tham gia tố tụng và vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung vụ án: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc anh Trương Văn T có nghĩa vụ trả cho anh Lê Văn C số tiền là 70.000.000 đồng.

Đình chỉ việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền vốn gốc là 10.000.000 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Đề nghị Hội đồng xét xử xử lý theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Việc bị đơn anh Trương Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nguyên đơn tranh chấp với bị đơn số tiền vay vốn gốc 70.000.000 đồng khi vay tiền thì bị đơn có viết biên nhận ký tên giao cho nguyên đơn giữ, khi thực hiện hợp đồng các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, các bên thực hiện hợp đồng hoàn toàn tự nguyện, mục đích của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội phù hợp quy định tại các Điều 117, Điều 119, Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015, do đó hợp đồng có hiệu lực đối với các bên.

[3] Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền vốn gốc là 70.000.000 đồng, nguyên đơn đã chứng minh cho yêu cầu của mình bằng 02 biên nhận vay tiền do bị đơn viết và ký tên, đồng thời người làm chứng ông Nguyễn Văn H là cha ruột của bị đơn khẳng định chữ ký và chữ viết trong hai biên nhận nguyên đơn cung cấp là chữ ký và chữ viết của bị đơn, do đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Khi vay tiền thì trong biên nhận nợ thì các bên không ghi rõ thời hạn, lãi suất tiền vay nhưng tại phiên tòa nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên

quan thống nhất lãi suất tiền vay là 7%/tháng, do đó có đủ cơ sở xác định hợp đồng vay giữa các bên là hợp đồng vay không kỳ hạn và có lãi suất. Thời điểm vay đầu tiên ngày 02/5/2020 (nhằm ngày 22/6/2020 dương lịch) và trả lãi đến tháng khoảng 01/2022 đến thời điểm nguyên đơn khởi kiện là ngày 27/9/2022 thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn còn thời hiệu khởi kiện phù hợp với quy định tại Điều 429 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Việc nguyên đơn thừa nhận thỏa thuận bằng lời nói lãi suất vay là 7%/tháng là vượt quá mức quy định của pháp luật, nên phần vượt quá sẽ được tính lại để trừ vào vốn gốc, theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 mức với lãi suất tối đa mà pháp luật chấp nhận cho các bên thỏa thuận là 20%/năm. Do đó đối với khoản tiền vay là 30.000.000 đồng tính từ thời điểm vay ngày 02/5/2020 âm lịch (nhằm ngày 22/6/2020 dương lịch) tính đến hôm nay (tính chẵn) cụ thể: $(30.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/năm) \times 03 \text{ năm } 06 \text{ tháng} = 21.000.000 \text{ đồng}$; khoản tiền vay là 40.000.000 đồng tính từ thời điểm vay ngày 03/3/2021 âm lịch (nhằm ngày 14/4/2021 dương lịch) đến hôm nay (tính chẵn) cụ thể: $(40.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/năm) \times 02 \text{ năm } 08 \text{ tháng} = 21.333.000 \text{ đồng}$; như vậy tổng tiền lãi mà pháp luật chấp nhận cho các bên thỏa thuận trong tổng số tiền vay 70.000.000 đồng là 42.333.000 đồng, tuy nhiên số tiền lãi nguyên đơn đã nhận của bị đơn là 30.000.000 đồng là thấp hơn, bị đơn không có ý kiến gì phản đối, nên không có cơ sở để tính lại tiền lãi để căn trừ vào vốn gốc.

[6] Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện từ số tiền vốn gốc ban đầu là 80.000.000 đồng giảm xuống còn 70.000.000 đồng, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[7] Đối với bị đơn Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn để tham phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tham gia phiên tòa sơ thẩm; yêu cầu bị đơn cung cấp chứng cứ liên quan yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng bị đơn không cung cấp bất cứ chứng cứ gì để phản đối với yêu cầu của nguyên đơn. Do đó bị đơn phải chịu hậu quả của việc không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án theo quy định của pháp luật.

[8] Khoản tiền cho bị đơn vay 70.000.000 đồng là tài sản chung của ông C và bà T1, tuy nhiên bà T1 tự nguyện giao cho ông C toàn quyền quyết định và yêu cầu Hội đồng xét xử trường hợp chấp nhận yêu cầu khởi kiện thì tuyên anh T trả cho cá nhân ông C, nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự.

[9] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[10] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, 35, 39, 91, 92, 147, Điều 244, 227, 228, 273 và 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 117, 119, 429, 463, 466, 468 của Bộ Luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 33 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 26 và Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn C.

Buộc anh Trương Văn T có nghĩa vụ trả cho ông Lê Văn C số tiền là 70.000.000 đồng (*Bảy mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền vốn gốc là 10.000.000 đồng. Các đương sự có quyền khởi kiện lại để yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Trương Văn T phải chịu là 3.500.000 đồng. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông Lê Văn C số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm là 2.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0014341, ngày 28/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết công khai để xin xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b, 7c và 9 Luật

thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Hoàng Ân